

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

MỤC LỤC

1. SUPERVISION OF GRADUATION PAPER FROM ENGLISH MAJOR STUDENTS' PERSPECTIVE AT THUY LOI UNIVERSITY	4
2. ADVANTAGES AND DIFFICULTIES OF ENGLISH MAJOR STUDENTS IN READING COMPREHENSION AT THUYLOI UNIVERSITY	5
3. ARTIFICIAL INTELLIGENCE-ASSISTED INTERPRETATION: THE PERCEPTION OF ENGLISH-MAJOR STUDENTS AT THUYLOI UNIVERSITY	6
4. THUYLOI UNIVERSITY ENGLISH MAJOR STUDENTS' AWARENESS AND EXPECTATIONS OF THEIR TEACHERS' PROFESSIONAL DEVELOPMENT IN ENGLISH LANGUAGE TEACHING	7
5. THE RELATIONSHIP BETWEEN PEER PRESSURE AND ENGLISH-SPEAKING ANXIETY AMONG THIRD-YEAR ENGLISH MAJOR STUDENTS AT THUYLOI UNIVERSITY	8
6. STUDENTS' PERCEPTION OF NOTE-TAKING IN ACADEMIC LISTENING: A STUDY OF THIRD-YEAR ENGLISH MAJORS AT THUYLOI UNIVERSITY	9
7. USING TED TALKS TO ENHANCE PRESENTATION SKILLS FOR FIRST-YEAR ENGLISH MAJOR STUDENTS AT THUYLOI UNIVERSITY	10
8. ENGLISH MAJOR STUDENTS' PERCEPTIONS OF THE EFFECTS OF USING YOUTUBE VIDEOS TO ENHANCE THE LISTENING SKILL AT THUYLOI UNIVERSITY	11
9. THUYLOI UNIVERSITY ENGLISH-MAJORED THIRD-YEAR STUDENTS' PERCEPTIONS OF THE BENEFITS AND CHALLENGES OF USING THE SHADOWING TECHNIQUE TO IMPROVE THEIR SPEAKING SKILLS	12
10. STUDENT'S PERCEPTIONS OF USING SHORT VIDEOS TO ENHANCE VOCABULARY AMONG ENGLISH-MAJOR STUDENTS AT THUY LOI UNIVERSITY: BENEFIT AND CHALLENGES	13
11. COMMON ENGLISH PRONUNCIATION MISTAKES OF FIRST-YEAR AND SECOND-YEAR ENGLISH MAJOR STUDENTS AT THUY LOI UNIVERSITY DURING PRESENTATIONS	14
12. THE IMPACT OF CULTURAL SENSITIVITY TRAINING ON THE QUALITY OF TRANSLATION BY ENGLISH MAJOR STUDENTS AT THUYLOI UNIVERSITY	15
13. INVESTIGATING ARTIFICIAL INTELLIGENCE TOOLS USAGE FOR ACADEMIC PURPOSES AMONG ENGLISH-MAJOR STUDENTS AT THUYLOI UNIVERSITY	16

14. MOTIVATIONAL FACTORS OF STUDENTS IN THE ENGLISH MAJOR PROGRAM: A DESCRIPTIVE STUDY AT THUYLOI UNIVERSITY	17
15. KHẢO SÁT LỖI SAI TRONG VIỆC SỬ DỤNG BỔ NGỮ XU HƯỚNG KÉP THEO NGHĨA MỞ RỘNG CỦA SINH VIÊN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	18
16. PHÂN TÍCH LỖI SAI TRONG SỬ DỤNG KẾT CẤU ĐỊNH TRUNG KHI HỌC MÔN VIẾT CỦA SINH VIÊN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	19
17. ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG AI ĐỐI VỚI HIỆU QUẢ TỰ HỌC NGỮ PHÁP TIẾNG TRUNG QUỐC CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	20
18. TÌM HIỂU VỀ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA SINH VIÊN ĐÃ CÓ NỀN TẢNG TIẾNG TRUNG KHI HỌC NĂM NHẤT NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	21
19. KHẢO SÁT TỪ VỰNG CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ, THƯƠNG MẠI TRONG GIÁO TRÌNH	22
20. NGHIÊN CỨU VỀ SỰ THAY ĐỔI HÌNH THỂ CHỮ HÁN TỪ KHẢI THU ĐẾN GIẢN THỂ VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN SINH VIÊN KHÓA 66 NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	23
21. SO SÁNH ĐỘNG TỪ CHỈ CẢM XÚC Ở MỨC ĐỘ HSK3 TRONG TIẾNG TRUNG QUỐC VỚI TIẾNG VIỆT	24
22. ĐỐI CHIẾU THÀNH NGỮ MANG HÌNH ẢNH CON CHÓ TRONG TIẾNG HÁN VÀ TIẾNG VIỆT.	25
23. SO SÁNH TIẾNG LÓNG MẠNG VIỆT- TRUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025	26
24. NGHIÊN CỨU THÀNH NGỮ TIẾNG TRUNG CHỨA TÊN CON HỔ, NGỰA, RỒNG VÀ ỨNG DỤNG TRONG VIỆC HỌC CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	27
25. SO SÁNH CÁCH XUNG HỘ TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC GIỮA HAI THỂ HỆ DƯỚI GÓC NHÌN VỀ SỰ KÍNH TRỌNG	28
26. NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH ỨNG DỤNG QUIZLET TRONG GHI NHỚ TỪ VỰNG TIẾNG TRUNG CỦA SINH VIÊN NĂM NHẤT NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	29
27. NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ MẠNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NGÔN NGỮ MẠNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	30

**SUPERVISION OF GRADUATION PAPER
FROM ENGLISH MAJOR STUDENTS' PERSPECTIVE
AT THUY LOI UNIVERSITY**

Group members: Dam Thanh Dat

Le Nguyen Thuy Trang

Tran Thao Van

Supervisors: Nguyen Thi Hong Anh, M.A

1. Research objectives:

This study aims to explore the perspectives of English majors at Thuyloi University regarding the supervision of their graduation theses. Using a quantitative survey questionnaire, the study aims to clarify how students prepare for their graduation paper and what they expect from their supervisor.

2. Research findings:

The findings indicate that the majority of students adopt a proactive attitude during the preparation phase. However, some of them still lack a clear understanding of the research process, leading to anxiety when undertaking an independent academic task. Regarding supervision, students expect that their supervisor acts as a critical thinker and an experienced researcher. They highly value the support their supervisor provides in shaping their research topics and conceptualizing their research project. Throughout the work process, students prioritize receiving regular feedback, having clear deadlines for each section, and interacting with the supervisor in a comfortable environment. Based on these findings, the study also proposes several practical recommendations to improve the quality of supervision and enhance the quality of students' graduation paper.

**ADVANTAGES AND DIFFICULTIES OF ENGLISH
MAJOR STUDENTS IN READING COMPREHENSION
AT THUYLOI UNIVERSITY**

Group members: Dinh Thu Trang - 66NNA1
Nguyen Thuy Dung - 66NNA1
Le Thi Dieu - 66NNA2
Nguyen Xuan Hung - 66NNA2
Supervisors: Le Thi Thanh Hue (MA)
Le Lien Huong (MA)

1. Research Objectives

This research focuses on finding out besides the advantages of doing the reading comprehension test, what difficulties do English-major students at Thuyloi University still encounter in reading and understanding English. Beside that, the research will compare and clarify how they perceive reading comprehension courses at Thuyloi University.

2. Research Result

The findings show that students keep a proactive approach to reading. They often use cognitive strategies like online tools and dictionaries. Key benefits include effectively using background knowledge and a variety of library resources. On the other hand, the main challenges are limited academic vocabulary and complex grammar. These issues significantly slow down reading speed and reduce deep understanding.

**ARTIFICIAL INTELLIGENCE-ASSISTED
INTERPRETATION: THE PERCEPTION OF ENGLISH-
MAJOR STUDENTS AT THUYLOI UNIVERSITY**

Group members: Le Thi Huong Giang - 67NNA2

Le Anh Phuong - 67NNA2

Nguyen Le Thu Trang - 67NNA2

Tran Minh Chau - 67NNA2

Chu Thi Thanh Van - 67NNA2

Supervisors: Phạm Hong Trang (PhD Candidate)

Vu Thị Thu Hương (M.A)

1. Research aim:

This research aims to investigate the perception of students in English linguistics regarding AI's support in interpretation at Thuyloi University.

2. Research findings:

In order to achieve the research aim, a total of 100 responses were collected from English Linguistics students at Thuyloi University through online survey and paper-based questionnaire. The findings indicate that most participants hold positive perceptions toward the use of AI in interpreting learning. A large proportion of students reported using AI tools frequently to assist their interpretation. In addition, the findings reveal that students appreciated the instant feedback and accessibility provided by AI tools, which enhanced their learning efficiency and engagement. However, some participants expressed concerns about over-reliance on AI and its limitations in handling nuanced language use in interpreting contexts. This research provides valuable insights into how students perceive and utilize AI tools in learning interpretation.

**THUYLOI UNIVERSITY ENGLISH MAJOR STUDENTS'
AWARENESS AND EXPECTATIONS OF THEIR TEACHERS'
PROFESSIONAL DEVELOPMENT
IN ENGLISH LANGUAGE TEACHING**

Group members: Phan Dieu Mai Lien -66NNA1

Le Minh Nghia -66NNA1

Dang Nam Anh -66NNA1

Nguyen Phu Xuan Dang -66NNA1

Supervisor

PhD. Lam Thi Lan Huong

1. Result Objectives:

This study aims to explore Thuyloi University English-major students' awareness and expectations of their teachers' professional development in English language teaching.

2. Research result:

This study employed a mixed-methods approach, combining questionnaires and interviews. A total of 183 English-major students at Thuyloi University participated in the survey, while five students were interviewed for deeper insights. The findings indicated that students had a moderate level of awareness of their teachers' professional development activities, while their expectations were generally high across most dimensions. Moreover, a clear discrepancy was identified between awareness and expectations, particularly in research engagement and reflective practices. The results also revealed that students tend to value visible teaching practices more than observable professional activities. Overall, the study highlights the need for greater transparency and communication regarding teachers' professional development in higher education.

**THE RELATIONSHIP BETWEEN PEER PRESSURE AND
ENGLISH-SPEAKING ANXIETY AMONG THIRD-YEAR
ENGLISH MAJOR STUDENTS AT THUYLOI UNIVERSITY**

Group members: Luu Ngoc My- 65NNA-BPD
Thai Hanh Chi- 65NNA-BPD
Nguyen Thanh Nam- 65NNA-
BPD
Pham Thu Hue Ly- 65NNA-QTTT
Nguyen Thi Linh- 65NNA-QTTT
Supervisors: Nguyen Van Son, PhD
Doan Anh Duc, MA

1.

2. Result objectives:

This study aims to investigate the relationship between peer pressure and English-speaking anxiety among third-year English language majors at ThuyLoi University.

3. Research Results:

To achieve this aim, a quantitative research approach was employed with a survey design to collect data. There were 81 responses from third-year students majoring in English at Thuyloi University. The survey results divided the peer pressure into three types: peer comparison pressure, fear of negative evaluation, and perceived expectations from others. Moreover, the results indicated that the relationship between peer pressure and English-speaking anxiety was not significant. From that, lecturers could adapt their teaching strategies and feedback to create a more supportive and effective study environment for learners.

**STUDENTS' PERCEPTION OF NOTE-TAKING IN
ACADEMIC LISTENING: A STUDY OF THIRD-YEAR
ENGLISH MAJORS AT THUYLOI UNIVERSITY**

Group members: *Nguyen Minh Thu - 65NNA-QTTT*
 Pham Thi Dieu Ly - 65NNA-QTTT
 Dinh Thi Kim Ngân - 65NNA-QTTT
 Duong Hai Linh - 65NNA-BPD

Supervisor: *Pham Thi Hong Nhung, M.A*

1. Research Objectives

This study aims to explore the perceptions of students toward note-taking techniques and the difficulties encountered when taking notes in academic listening among third-year English majors at Thuyloi University.

2. Research Findings

Survey results show that third-year English majors at Thuy Loi University have a positive perception of note-taking skills in academic listening. They especially appreciate the role note-taking plays in summarizing, analyzing, remembering, and understanding information. However, students still encounter some difficulties such as lecture length, limited academic vocabulary, and difficulty remembering and organizing information when listening. Despite these difficulties, most students affirmed that note-taking is necessary, cannot be replaced by memory, and does not hinder their ability to answer questions.

**USING TED TALKS TO ENHANCE PRESENTATION SKILLS
FOR FIRST-YEAR ENGLISH MAJOR STUDENTS
AT THUYLOI UNIVERSITY**

Group members: *Ngô Công Thiện - 65NNA-BPD*

Triệu Quang Hưng - 65NNA-QTTT

Supervisors *Phạm The Hien (M.A)*

1. Research objectives

This study aims to examine the effectiveness of using TED Talks to enhance the presentation skills of first-year English major students at Thuyloi University. It also seeks to identify students' main difficulties in English presentations and explore their perceptions of TED Talks as a learning tool.

2. Research findings

The findings indicate that first-year English major students face multiple challenges in English presentations, particularly anxiety, limited vocabulary, and weak organization of ideas. Among these, psychological barriers, especially lack of confidence and fear of making mistakes, are the most significant. The results also reveal that students hold highly positive attitudes toward TED Talks, perceiving them as engaging and useful learning materials. Furthermore, TED Talks are found to effectively improve key presentation skills, particularly confidence, organization, and delivery. Overall, the findings confirm that TED Talks serve as a valuable tool for enhancing students' presentation performance, although improvements in vocabulary and pronunciation require more time.

**ENGLISH MAJOR STUDENTS' PERCEPTIONS OF THE
EFFECTS OF USING YOUTUBE VIDEOS TO ENHANCE
THE LISTENING SKILL AT THUYLOI UNIVERSITY**

Students: *Le Huong Mai - 65NNA-BPD*
 Nguyen Ngoc Tu - 65NNA-BPD
 Nguyen Trong Vinh - 65NNA-BPD
 Tran Tai Anh - 65NNA-QTTT

Supervisors: *Pham Thanh Ha, M.A.*
 Hoang Le Hanh, M.A.

1. Research Objectives:

This study aims to explore English-major students' perceptions of using YouTube to support their English listening practice at Thuyloi University. It focuses on examining students' views on the effectiveness, benefits, and limitations of using YouTube as a supplementary learning tool.

2. Research Finding:

The research results from English-major students at Thuyloi University indicate that most students hold positive perceptions toward using YouTube videos for listening practice. Most participants agree that YouTube provides accessible and flexible materials, which enhance students' learning motivation and engagement in listening activities.

**THUYLOI UNIVERSITY ENGLISH-MAJORED THIRD-YEAR
STUDENTS' PERCEPTIONS OF THE BENEFITS AND
CHALLENGES OF USING THE SHADOWING TECHNIQUE
TO IMPROVE THEIR SPEAKING SKILLS**

Group members: Khuc Thi Yen Nhi - 65NNA-BPD

Ta Le Thao Nguyen - 65NNA-QTTT

Nguyen Thanh - 65NNA-QTTT

Supervisor: Pham Thu Tra (M.A.)

1. Research aims:

This research aims to explore the effectiveness of the shadowing technique on the speaking skill of third year English major students at Thuyloi University.

2. Research findings:

The analysis of the survey data indicates that the shadowing technique is widely regarded by the participants as an essential and effective tool for improving speaking skill. This can be seen in a significant majority of students as their pronunciation, rhythm, and intonation improved significantly after applying the method. Moreover, the technique enhances learners' autonomy and speaking confidence, as well as reducing anxiety. However, the study pointed out some difficulties, namely the difficulty in finding suitable learning materials, the frustration when trying to keep up with the speaking rate of native speakers, boredom and consistency. Finally, most students think that the shadowing technique should be used more systematically in both formal language curricula and self-study routines.

**STUDENT’S PERCEPTIONS OF USING SHORT VIDEOS
TO ENHANCE VOCABULARY AMONG ENGLISH-MAJOR
STUDENTS AT THUY LOI UNIVERSITY:
BENEFIT AND CHALLENGES**

Group numbers: Pham Phuong Anh - 65NNA-BPD

Nguyen Thi Ngoc - 65NNA-BPD

Nguyen Thi My Trang - 65NNA-BPD

Supervisors: Hoang Le Hanh, M.A

Pham Thanh Ha, M.A

1. Research Objects:

The study aims to investigate the perception of English majors’ students at the Thuy Loi University about benefits and challenges when using short videos to enhance their English vocabulary.

2. Research Results:

A quantitative methodology was used with a questionnaire for 116 English-major students at Thuy Loi University (TLU). The findings revealed that although the respondents found some limitations of short videos such as distractions and lack of academic vocabulary, most participants had a positive attitude when utilizing short videos for vocabulary learning process. The participants noted that shorts videos made learning more interesting and improved their memory skill.

COMMON ENGLISH PRONUNCIATION MISTAKES OF FIRST-YEAR AND SECOND-YEAR ENGLISH MAJOR STUDENTS AT THUY LOI UNIVERSITY DURING PRESENTATIONS

Group members: Phung Thu Ha - 65NNA-QTTT

Dinh Thi Hien - 65NNA-QTTT

Pham Thi Thanh Mai - 65NNA-QTTT

Bui Thi Phuong Hien - 65NNA-QTTT

Supervisors: Mrs. Tran Thi Ngoc Ha (Ph. D)

Ms. Pham Thi Linh Thuy (MA)

1.

2. Research objectives:

This study aims to investigate common English pronunciation mistakes made by first and second-year English major students at Thuyloi University during presentations.

3. Research results:

To achieve the research objective, this study used a quantitative method with recorded presentations as the primary data collection method. A total of 45 presentations by first- and second-year English majors at Thuyloi University were analyzed. The results showed that students made various errors, including segmental errors, suprasegmental errors, and connected speech errors. Among these, segmental errors were the most common, especially consonant errors, while students also struggled with vowels such as /I/, /æ/, and /Λ/. Suprasegmental characteristics, including word stress, sentence stress, and intonation, affected the clarity and naturalness of the speech, and connected speech errors reduced fluency. Overall, pronunciation difficulties significantly affected students' presentation abilities.

THE IMPACT OF CULTURAL SENSITIVITY TRAINING ON THE QUALITY OF TRANSLATION BY ENGLISH MAJOR STUDENTS AT THUYLOI UNIVERSITY

Student: Nguyen Tuan Anh - 64BPD

Supervisors: MA-MBA Tran Luu Ly

1. Research Objectives

The primary objective of this study is to investigate the impact of Cultural Sensitivity Training (CST) on the translation quality of English-major students at Thuyloi University. The research aims to assess baseline translation quality regarding culture-specific expressions and evaluate the effectiveness of a 15-week CST module in improving cultural fluency. Finally, the study explores the evolution of students' intercultural awareness and professional confidence following the intervention.

2. Research Results

The findings reveal a transformative shift in both student performance and perception. Quantitatively, the cohort of 80 students demonstrated a statistically significant increase in translation scores. This improvement is supported by an exceptionally large effect size providing strong empirical evidence for the training's efficacy. Students successfully moved away from literal, word-for-word strategies in favor of functional adaptation and modulation. Qualitative data confirms a profound evolution in professional identity, with 82% of students reporting a transition from anxious "language learners" into confident "bicultural mediators". Participants demonstrated newfound strategic confidence, prioritizing cultural appropriateness and natural flow over rigid grammatical adherence. Ultimately, this research proves that cultural sensitivity is a trainable technical skill that fundamentally elevates translation quality by bridging the gap between bilingualism and bicultural mediation.

**INVESTIGATING ARTIFICIAL INTELLIGENCE TOOLS
USAGE FOR ACADEMIC PURPOSES AMONG ENGLISH-
MAJOR STUDENTS AT THUYLOI UNIVERSITY**

SVTH: Nguyễn Hữu Nam - 65NNA-QTTT

Nguyễn Văn Hùng - 65NNA-BPD

Nguyễn Thanh Tùng - 65NNA-QTTT

Nguyễn Tiến Long - 65NNA-QTTT

GVHD: Nguyễn Văn Sơn (Ph. D)

Doãn Anh Đức

1.

2. Research objectives.

The study's main goal is to investigate the usage of Artificial Intelligence (AI) tools for academic purposes among English-major learners at Thuyloi University, how frequently and what kinds of AI tools learners use, as well as to evaluate the benefits of AI tools.

3. Research results.

To achieve this main goal, we investigated students' usage of AI for different academic purposes among English-major students of Thuyloi University. By conducting a survey with 106 participants. The study's conclusions showed that Thuyloi University English majors make extensive use of AI tools to reduce the amount of work they must do in the classroom. The results give a thorough picture of the university's current digital learning environment and offer crucial empirical insights that will guide future instructional methods, institutional support, and the development of moral standards for the use of AI in language instruction.

**MOTIVATIONAL FACTORS OF STUDENTS IN THE
ENGLISH MAJOR PROGRAM: A DESCRIPTIVE STUDY
AT THUYLOI UNIVERSITY**

SVTH: Phạm Thị Hồng Giang - 66NNA1

Vũ Thị Thu Hà - 66NNA1

Hoàng Phi Trường - 66NNA2

GVHD: TS. Lâm Thị Lan Hương

1. Research Objectives:

This study aims at exploring the perceptions of English language students at the Thuyloi University regarding their motivations for choosing to study English. Specifically, this research focuses on motivational factors, identifies the dominant types of motivation, and analyzes the characteristics of students' learning motivations during the English language learning process.

2. Research Finding:

This study employed a questionnaire administered via Google Forms as the primary method of data collection. A total of 130 English-major students at Thuyloi University participated in the survey. The findings indicate that English-major students demonstrate an overall awareness of their motivation for learning English across various dimensions. However, a noticeable disparity remains, with instrumental motivation appearing to be more dominant than integrative motivation. These findings provide valuable insights for students to better understand their own learning motivation. Additionally, they offer practical implications for teachers, enabling them to adopt more effective approaches to support and engage students in the learning process.

**KHẢO SÁT LỖI SAI TRONG VIỆC SỬ DỤNG BỔ NGỮ
XU HƯỚNG KÉP THEO NGHĨA MỞ RỘNG CỦA SINH VIÊN
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Ngô Thị Diễm Quỳnh- 65 NNT

Đàm Hồng Tươi- 65 NNT

Đặng Thị Minh Vui- 65 NNT

Nguyễn Thị Hải Yến- 65 NNT

GVHD: TS. Tạ Hồng Thương

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu nhằm phân loại và phân tích các lỗi sai khi sử dụng bổ ngữ xu hướng kép theo nghĩa mở rộng của sinh viên trình độ trung cấp ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Thủy Lợi, qua đó đề xuất một số giải pháp-học tập hiệu quả để nâng cao khả năng sử dụng bổ ngữ xu hướng trong tiếng Hán của sinh viên.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trình độ trung cấp còn gặp nhiều khó khăn trong việc nhận diện và sử dụng bổ ngữ xu hướng kép theo nghĩa mở rộng. Các lỗi sai chủ yếu tập trung ở bốn nhóm: lỗi kết hợp từ cố định, lỗi lựa chọn ngữ nghĩa, lỗi do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và lỗi chưa nhận diện được nghĩa mở rộng; trong đó, lỗi kết hợp từ cố định và lỗi lựa chọn ngữ nghĩa chiếm tỷ lệ cao nhất. Nguyên nhân của các lỗi xuất phát từ cả yếu tố chủ quan và khách quan: về chủ quan, người học còn phụ thuộc vào lối dịch từng từ từ tiếng mẹ đẻ và chưa hình thành thói quen ghi nhớ theo các tổ hợp cố định; về khách quan, do tính phức tạp của hệ thống bổ ngữ xu hướng kép trong tiếng Hán.

**PHÂN TÍCH LỖI SAI TRONG SỬ DỤNG KẾT CẤU
ĐỊNH TRUNG KHI HỌC MÔN VIẾT CỦA SINH VIÊN
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Phan Thị Mai Hương - 65 NNT

Phí Thị Thanh Hoàn - 65 NNT

Lê Nguyễn Hồng Hạnh - 65 NNT

Nguyễn Thị Thùy Linh - 65 NNT

GVHD: TS. Tạ Hồng Thương

1. Mục tiêu đề tài:

Phân tích, thống kê và đánh giá các lỗi sai trong sử dụng kết cấu định trung khi học môn Viết của sinh viên trình độ trung cấp ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Thủy Lợi.

2. Kết quả nghiên cứu:

Thông qua việc khảo sát và phân tích 75 bài viết, nghiên cứu đã nhận diện được bốn nhóm lỗi chính gồm: lỗi về trợ từ kết cấu “的”, lỗi về định ngữ, lỗi về trật tự từ và lỗi về trung tâm ngữ. Kết quả cho thấy lỗi liên quan đến trợ từ “的” chiếm tỷ trọng cao nhất và có xu hướng trở thành lỗi hệ thống bền vững. Tuy nhiên, các lỗi cơ bản về trật tự từ đã giảm đáng kể khi trình độ sinh viên được nâng cao.

Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này được xác định là do sự chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ, khiến sinh viên có thói quen dịch tương ứng từng chữ dẫn đến sai lệch về cấu trúc. Bên cạnh đó, việc chưa nắm vững các quy tắc ngữ pháp linh hoạt của trợ từ “的” và sự thiếu hụt về trực giác ngôn ngữ cũng là những rào cản lớn.

**ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG AI ĐỐI VỚI HIỆU QUẢ
TỰ HỌC NGỮ PHÁP TIẾNG TRUNG QUỐC CỦA SINH VIÊN
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
THỦY LỢI**

*SVTH: Nguyễn Ngọc Chuẩn - 65NNT-KT
Nguyễn Thị Khánh Linh - 65NNT-KT
Lương Ngọc Hoàn - 65NNT-KT
Đặng Văn Quân - 65NNT-KT
GVHD: TS. Tạ Hồng Thương*

1. Mục tiêu đề tài:

Đánh giá thực trạng sử dụng, phân tích mức độ tác động của Trí tuệ nhân tạo (AI) đến hiệu quả tự học ngữ pháp tiếng Trung, đồng thời tìm hiểu nhận thức và ý định tiếp tục sử dụng AI của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Thủy Lợi

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên chủ yếu sử dụng AI ở vai trò nhờ sửa lỗi và vai trò như một gia sư (giải thích từ vựng, ngữ pháp). Kết quả phân tích chỉ ra rằng AI có tác động tích cực giúp giảm thiểu lỗi sai bề mặt, nhưng việc gia tăng thời lượng sử dụng không đồng nghĩa với việc hiểu sâu bản chất quy tắc, phản ánh nguy cơ ỷ lại vào công nghệ của người học. Mặc dù vậy, dựa trên mô hình TAM, sinh viên có nhận thức rất tích cực về tính hữu ích của AI, từ đó thúc đẩy mạnh mẽ ý định tiếp tục gắn bó và sử dụng công cụ này trong tương lai.

**TÌM HIỂU VỀ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA SINH VIÊN
ĐÃ CÓ NỀN TẢNG TIẾNG TRUNG KHI HỌC NĂM NHẤT
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC
THỦY LỢI**

SVTH: Lê Hải Chi

Phạm Minh Khuê

GVHD: TS. Tạ Hồng Thương

1. Mục tiêu đề tài:

Tìm hiểu thực trạng về những thuận lợi và khó khăn mà sinh viên năm nhất ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại trường Đại học Thủy lợi - những người đã có nền tảng tiếng Trung trước đó - gặp phải trong quá trình học tập. Đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm khắc phục khó khăn và phát huy lợi thế, từ đó nâng cao hiệu quả học tập cho nhóm sinh viên này.

2. Kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy, 59,1% sinh viên đã có chứng chỉ HSK, trong đó trình độ Sơ - Trung cấp chiếm đa số (84,8%) và chủ yếu là tự học (54,5%). Những sinh viên này có những thuận lợi nhất định khi học: (1) Nền tảng sẵn có là yếu tố then chốt giúp 63,7% sinh viên dễ tiếp thu bài giảng, (2) hỗ trợ ghi nhớ từ vựng tốt hơn và giảm áp lực học tập. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất của sinh viên là ở kỹ năng viết chữ Hán (45,4%) và ngữ âm không chuẩn do tự học. Về mặt tâm lý, khoảng 31,8% sinh viên nảy sinh tâm lý chủ quan, lơ là việc học hoặc cảm thấy nội dung nhàm chán do đã biết trước kiến thức.

KHẢO SÁT TỪ VỰNG CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ, THƯƠNG MẠI TRONG GIÁO TRÌNH 新丝路-中级速成商务汉语II

(李晓琪, 催化山 / 北京大学出版社)

SVTH: Trần Thị Thu Hương - 66NNTQ1

GVHD: ThS. Tống Thùy Vân

1.

2. Mục tiêu đề tài

Nghiên cứu này tập trung khảo sát và phân tích hệ thống từ vựng kinh tế, thương mại trong cuốn giáo trình Tân Con Đường Tơ Lụa - Tiếng Trung Thương mại cấp tốc trung cấp II “新丝路-中级速成商务汉语II”, thông qua việc thống kê, phân loại và đối chiếu từ vựng với các tiêu chuẩn năng lực ngôn ngữ hiện hành (HSK, BCT) và đối chiếu với kho ngữ liệu tin tức từ năm 2010 đến 2025 của BCC (Trường Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh).

3. Kết quả nghiên cứu

Qua đối chiếu và khảo sát nghiên cứu cho thấy giáo trình có tính chuyên môn hóa cao với 56,3% từ vựng thuộc trình độ HSK (7-9) và ngoài khung, đồng thời tập trung mạnh vào thực tế khi có 65,8% từ vựng thuộc tiêu chuẩn BCT cấp B. Mặc dù có tới 66,2% từ vựng có tần suất sử dụng giảm trên kho ngữ liệu BCC, nhưng giáo trình vẫn đảm bảo được tính thời đại với 33,8% từ vựng có xu hướng tăng và tần suất xuất hiện nhiều. Vì vậy, đây là tài liệu phù hợp để rèn luyện kỹ năng làm việc cho người học có trình độ HSK trung cấp trở lên, giúp người học thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và môi trường làm việc thực tế.

Tuy nhiên, trong quá trình dạy và học, giảng viên cần chủ động cập nhật thêm các thuật ngữ kinh tế số để lấp đầy khoảng cách giữa giáo trình và thực tiễn. Người học nên sử dụng kết quả khảo sát này làm bản đồ từ vựng: ưu tiên học nhóm từ vựng có tần suất xuất hiện cao (nhóm có tần suất xuất hiện tăng trên BCC) và các từ trọng tâm của chuẩn BCT.

**NGHIÊN CỨU VỀ SỰ THAY ĐỔI HÌNH THỂ CHỮ HÁN
TỪ KHẢI THƯ ĐẾN GIẢN THỂ VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN
SINH VIÊN KHÓA 66 NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

*SVTH Cao Phương Anh - 66NNT1
Trần Thị Lan Anh - 66NNT1
Hoàng Gia Khiêm - 66NNT1
Lộc Xuân Thu Trang - 66NNT1
GVHD TS. Lê Thị Thanh Hà
ThS. Nguyễn Lê Cẩm Tú*

1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu quá trình và sự thay đổi hình thể chữ Hán từ Khải thư truyền thống (Khải thư Phồn thể) đến Giản thể và đánh giá sự tác động đến sinh viên K66 ngành ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại học Thủy Lợi.

2. Kết quả nghiên cứu

Cuộc cải cách chữ Giản thể sau năm 1949 nhằm xóa mù chữ cho 80% dân số và hiện đại hóa, tiếp nối quy luật tiến hóa tự nhiên của văn tự. Việc giảm 50% số nét (từ 16,08 xuống 8,16), đã tối ưu hóa hiệu suất ghi chép, in ấn và giúp sinh viên giảm áp lực trong ghi nhớ và kỹ năng viết. Tuy nhiên, còn tồn tại một số hạn chế là gây nhầm lẫn ngữ nghĩa (do mượn âm) và làm suy yếu giá trị văn hóa của chữ khiến sinh viên gặp thách thức trong việc hiểu sâu giá trị triết lý và nhận diện các văn bản cổ.

SO SÁNH ĐỘNG TỪ CHỈ CẢM XÚC Ở MỨC ĐỘ HSK3 TRONG TIẾNG TRUNG QUỐC VỚI TIẾNG VIỆT

SVTH: Nguyễn Lê Thùy Dương - 66NNT1

GVHD: ThS. Tống Thùy Vân

1. Mục tiêu đề tài:

Phân tích và đối chiếu để chỉ ra sự tương đồng và khác biệt về chức năng cú pháp và khả năng kết hợp của các động từ chỉ cảm xúc trong hai ngôn ngữ.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã rút ra điểm giống và khác nhau cốt lõi của 3 động từ cảm xúc ("担心"、"害怕"、"满意") trong tiếng Hán và , tiếng Việt ("lo lắng", "sợ hãi", "hài lòng").

Về từ loại, từ "害怕" và "sợ hãi" có từ loại khác nhau trong hai ngôn ngữ. Các từ còn lại có sự tương đương về từ loại.

Về cú pháp, Cả hai đều có thể làm vị ngữ và thành phần phụ (định ngữ, trạng ngữ). Tuy nhiên, tiếng Hán bắt buộc dùng hư từ ("的", "地") để liên kết, trong khi tiếng Việt ghép trực tiếp, linh hoạt hơn và có thể tự làm bổ ngữ.

Về tân ngữ, Tiếng Hán phân định khá khe tính cập vật (ngoại động từ mang trực tiếp, nội động từ phải qua giới từ "对"). Tiếng Việt thường dùng chung giới từ kết nối ("về/với").

Về bổ ngữ mức độ, Tiếng Hán phải dùng cấu trúc "V + 得 + miêu tả". Tiếng Việt thêm trực tiếp từ chỉ mức độ ("quá", "lắm") ngay sau động từ.

Từ các kết luận trên, sinh viên cần có chiến lược học từ vựng theo cụm kết hợp, giáo viên cần xây dựng chiến lược tiếp thu từ vựng hiệu quả cho sinh viên.

ĐỐI CHIẾU THÀNH NGỮ MANG HÌNH ẢNH CON CHÓ TRONG TIẾNG HÁN VÀ TIẾNG VIỆT.

SVTH: Vũ Hải Hà - 66NNT2

Phạm Kim Chi - 66NNT2

Đỗ Thị Ngọc Ánh - 66NNT2

GVHD: ThS. Nguyễn Lê Cẩm Tú

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm thu thập và khảo sát các thành ngữ có chứa hình ảnh con “chó” trong tiếng Hán và tiếng Việt, từ đó tiến hành phân tích và đối chiếu để làm rõ những đặc điểm chung cũng như sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ. Thông qua đó, đề tài góp phần làm rõ vai trò của hình ảnh động vật trong việc hình thành và phát triển thành ngữ, đồng thời cung cấp thêm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập tiếng Hán và tiếng Việt.

2. Kết quả nghiên cứu:

Qua quá trình tìm hiểu, thống kê, phân tích và đối chiếu hình ảnh “chó” trong thành ngữ tiếng Hán và tiếng Việt, nghiên cứu này đã góp phần làm rõ đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa của thành ngữ ở ngôn ngữ, đồng thời cung cấp thêm tài liệu tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập tiếng Hán cũng như tiếng Việt. Thêm vào đó, nghiên cứu cũng mở ra hướng đi mới cho các công trình đối chiếu ngôn ngữ, văn hóa khác trong tương lai. Bên cạnh đó, nghiên cứu này cho thấy rằng mặc dù cả thành ngữ tiếng Trung và tiếng Việt chứa hình ảnh “chó” đều có nhiều điểm tương đồng trong cùng không gian văn hóa phương Đông, chúng vẫn sở hữu những đặc điểm riêng biệt, phản ánh sự khác biệt trong tư duy ngôn ngữ và bản sắc văn hóa. Hình ảnh “chó” không chỉ đơn thuần là một yếu tố từ vựng, mà còn là một biểu tượng văn hóa ảnh hưởng đến cách con người nhận thức, đánh giá và diễn giải thế giới xung quanh.

SO SÁNH TIẾNG LÓNG MẠNG VIỆT- TRUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

SVTH: Đỗ Thị Bích Ngọc
Nguyễn Thị Minh Hiền
GVHD: ThS. Nguyễn Thùy Chi

1. Mục tiêu đề tài

Nghiên cứu hướng đến ba mục đích: miêu tả đặc điểm hình thức, ý nghĩa của tiếng lóng mạng Việt - Trung giai đoạn 2021-2025; đối chiếu điểm tương đồng và khác biệt giữa hai hệ thống trên khung phân tích ngôn ngữ học đối chiếu; và lí giải những tương đồng, khác biệt đó từ góc độ văn hóa - xã hội, qua đó làm rõ cách mỗi cộng đồng ngôn ngữ sáng tạo và biến đổi ngôn ngữ trong môi trường số đương đại.

2. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu đã miêu tả và đối chiếu hệ thống tiếng lóng mạng Việt - Trung giai đoạn 2021-2025 trên khung 3 bình diện của Lado, đồng thời lí giải những điểm tương đồng và khác biệt từ góc độ văn hóa - xã hội. Kết quả cho thấy cả hai hệ thống đều chia sẻ các cơ chế cấu tạo phổ quát như hài âm, vay mượn, chuyển nghĩa và trích dẫn viral, đồng thời phản ánh quy luật tiết nghiệm ngôn ngữ trên không gian số và xu hướng hội tụ văn hóa mạng xuyên biên giới. Tuy nhiên, sự khác biệt vẫn thể hiện rõ nét: với hệ thống thanh điệu phong phú và âm tiết phân tách rõ ràng tiếng Việt có cơ chế nói lái và biến âm đặc thù, tiếng Trung có trộn mã cú pháp; về tâm lý - xã hội, cư dân mạng xứ Trung nghiêng về thụ động rút lui, còn cư dân mạng Việt Nam thiên về hài hước hóa hoặc nguy trang hình ảnh cá nhân. Những kết quả đó khẳng định tiếng lóng mạng là sản phẩm của sự tương tác có hệ thống giữa đặc trưng loại hình ngôn ngữ và bối cảnh văn hóa - xã hội đặc thù, đồng thời cho thấy tính khả dụng của khung ngôn ngữ học đối chiếu trong nghiên cứu ngôn ngữ mạng đương đại.

**NGHIÊN CỨU THÀNH NGỮ TIẾNG TRUNG CHỨA TÊN
CON HỔ, NGỰA, RỒNG VÀ ỨNG DỤNG TRONG VIỆC HỌC
CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ
TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Nguyễn Phương Linh - 66 NNT

Phạm Khánh Linh- 66 NNT

Ngô Thùy Linh - 66 NNT

GVHD: ThS. Nguyễn Lê Cẩm Tú

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu hệ thống hóa ngữ nghĩa, giá trị văn hóa của thành ngữ Trung Quốc chứa Hổ, Ngựa, Rồng, đồng thời đánh giá thực trạng nhận biết và vận dụng của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc, Trường đại học Thủy Lợi. Từ đó đề xuất phương pháp học tập phù hợp giúp sinh viên làm chủ kho tàng thành ngữ, góp phần bồi đắp vốn am hiểu về văn hóa truyền thống Trung Quốc trong quá trình học tập.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã hệ thống hóa thành công khái niệm, cấu trúc ngữ pháp và nội hàm văn hóa đặc trưng của nhóm thành ngữ chứa yếu tố Rồng, Ngựa, Hổ. Kết quả khảo sát tại Trường Đại học Thủy Lợi cho thấy nhóm thành ngữ này có sức sống mãnh liệt, giúp sinh viên nâng cao năng lực diễn đạt và tư duy đối chiếu Việt - Trung. Tuy nhiên, thực trạng sinh viên còn lúng túng về diễn tích và sắc thái ngữ dụng đã khẳng định tính cấp thiết của đề tài. Dù còn hạn chế về phạm vi, nghiên cứu vẫn là tiền đề quan trọng để mở rộng kho tàng thành ngữ động vật, góp phần bồi đắp vốn văn hóa và nâng cao chất lượng đào tạo ngôn ngữ tại Nhà trường.

SO SÁNH CÁCH XUNG HÔ TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC GIỮA HAI THẾ HỆ DƯỚI GÓC NHÌN VỀ SỰ KÍNH TRỌNG

SVTH: *Hoàng Lệ Na - 66NNT2*

Đặng Thị Diệu Linh - 66NNT2

GVHD: *TS. Tạ Hồng Thương*

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài này được thực hiện để tìm hiểu và so sánh cách các thành viên trong gia đình Việt Nam và Trung Quốc xung hô với nhau, đặc biệt là cách chúng ta thể hiện sự kính trọng qua lời nói. Thông qua việc phân tích các tài liệu về ngôn ngữ và xã hội, nghiên cứu muốn làm rõ xem việc xung hô đã thay đổi như thế nào từ thế hệ ông bà, cha mẹ đến thế hệ trẻ ngày nay dưới tác động của văn hóa Nho giáo và sự phát triển của xã hội.

2. Kết quả nghiên cứu

Kết quả cho thấy dù cả hai nước đều đề cao đạo Hiếu, nhưng cách thể hiện lại có nét riêng: người Việt mình thường dùng các từ tình thái như "ạ", "dạ", "thưa" để tạo sự tình cảm, còn người Trung Quốc lại chú trọng dùng các đại từ tôn xưng riêng biệt để giữ đúng tôn ti. Nghiên cứu cũng phát hiện một điểm rất thú vị là trong khi thế hệ trước thường xung hô khá khuôn mẫu và lễ nghi, thì thế hệ trẻ hiện nay lại coi đây là một "chiến lược giao tiếp". Các bạn trẻ có xu hướng nói chuyện đơn giản, thoải mái hơn để xóa bớt khoảng cách, nhưng khi cần thiết vẫn có thể sử dụng những cách xưng hô chuẩn mực để giữ gìn nề nếp gia đình. Nhìn chung, sự kính trọng không hề mất đi mà chỉ "biến hóa" linh hoạt hơn để phù hợp với nhịp sống hiện đại và toàn cầu hóa.

**NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH ỨNG DỤNG QUIZLET TRONG
GHI NHỚ TỪ VỰNG TIẾNG TRUNG CỦA SINH VIÊN
NĂM NHẤT NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Nguyễn Lan Anh - 66NNT2

Hoàng Thị Hào - 66NNT2

GVHD: ThS Nguyễn Thuỳ Chi

1. Mục tiêu đề tài

Đề tài nhằm đánh giá hiệu quả của việc sử dụng Quizlet trong quá trình ghi nhớ từ vựng tiếng Trung của sinh viên năm nhất, đồng thời phân tích thực trạng sử dụng và những khó khăn trong học từ vựng, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả học tập.

2. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp khảo sát trực tuyến với 86 phiếu hợp lệ và xử lý bằng thống kê mô tả. Kết quả cho thấy sinh viên có xu hướng kết hợp nhiều phương pháp học, trong đó Quizlet ngày càng phổ biến nhưng chủ yếu được sử dụng ở mức trung bình và chưa khai thác hết các tính năng. Phần lớn sinh viên đánh giá Quizlet có tác động tích cực, giúp học nhanh hơn, nhớ lâu hơn và tăng hứng thú học tập. Tuy nhiên, ứng dụng này chủ yếu hỗ trợ ghi nhớ, trong khi khả năng hiểu sâu và vận dụng từ vựng vẫn còn hạn chế. Từ đó, nghiên cứu đề xuất cần hướng dẫn sinh viên sử dụng Quizlet hiệu quả hơn, kết hợp với phương pháp học truyền thống và tăng cường tích hợp trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng học từ vựng tiếng Trung.

**NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ MẠNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA
NGÔN NGỮ MẠNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH
NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Nguyễn Thị Huyền Trang - 66NNT2

Lê Thị Thương - 66NNT2

Phạm Thị Thủy - 66NNT2

GVHD: Th.S Nguyễn Lê Cẩm Tú

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu cung cấp những hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ mạng tiếng Trung Quốc, làm rõ thực trạng sử dụng, mức độ nhận biết ngôn ngữ mạng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủy Lợi, đồng thời xác định mức độ ảnh hưởng của hiện tượng này đối với việc học tập, sử dụng tiếng Trung, từ đó đánh giá nhận thức, thái độ của sinh viên với việc sử dụng ngôn ngữ mạng và đề xuất một số phương pháp học tập phù hợp.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã làm rõ khái niệm, phân loại, đặc điểm cũng như các nhóm nguyên nhân cốt lõi dẫn đến sự bùng nổ của ngôn ngữ mạng Trung Quốc. Thông qua khảo sát, nghiên cứu chỉ ra rằng phần lớn sinh viên có mức độ sử dụng và nhận biết ngôn ngữ mạng ở mức khá cao. Về ảnh hưởng, ngôn ngữ mạng vừa là công cụ hữu ích giúp sinh viên phong phú hóa vốn từ khẩu ngữ, vừa có nguy cơ làm lệch chuẩn thói quen sử dụng ngôn ngữ chính quy. Do đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp thiết thực: sinh viên cần nâng cao nhận thức trong việc sử dụng ngôn ngữ mạng, phân biệt rõ giữa ngôn ngữ mạng và ngôn ngữ chuẩn; trong khi đó, giáo viên cần đóng vai trò định hướng để giúp sinh viên nhận diện và hiểu đúng về ngôn ngữ mạng, từ đó biến ngôn ngữ mạng thành một chất xúc tác tích cực cho quá trình học tập.